



Tìm hiểu hình ảnh Đức Phật

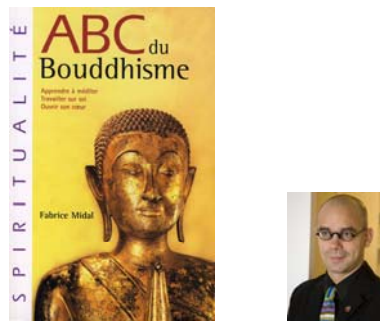
Fabrice Midal

(Hoang Phong chuyển ngữ)

Lời giới thiệu của người dịch:

Bài viết dưới đây là bản dịch chương 4 trong quyển *Phật Giáo Đại Cương (ABC du Bouddhisme, nxb Grancher, 2008)* của học giả

Phật Giáo Fabrice Midal. Chương 1 của quyển sách này gần đây cũng đã được chuyển ngữ và đưa lên một vài trang web (mang tựa là "*Người Phật tử ngày nay trong thế giới Tây Phương*", có thể xem trên các trang web Thư Viện Hoa Sen, Quảng Đức, ...)



Bìa quyển sách "**Phật Giáo Đại Cương**"
và tác giả **Fabrice Midal**

Đức Phật có thật hay không ?

Tất cả các tài liệu lịch sử đều chứng minh cho thấy là Đức Phật có thật và sống cách nay đã hai-mươi-sáu thế kỷ. Ngài là con của một vị

vua thuộc dòng họ Thích-ca (Sakya) trị vì một vương quốc nhỏ dưới chân dãy Hy-mã-lạp sơn, trong một vùng thuộc lãnh thổ Nepal ngày nay. Tên tục của Ngài là Tất-đạt-đa (Siddharta), họ là Cồ-đàm - vì thế mà người ta thường gọi Đức Phật là Ngài Cồ-đàm.

Trong thời gian khi còn tu khổ hạnh người ta còn gọi Ngài bằng một tên khác là Thích-ca Mâu-ni, có nghĩa là "Vị Thánh Nhân của Yên Lặng thuộc dòng họ Thích-ca".

Sau khi nhất quyết là sau này sẽ không đảm nhận chức vụ thủ lĩnh nắm giữ quyền bính tạm thời (*tức chính trị*) trong vương quốc của vua cha thì Ngài từ bỏ cung điện xa hoa để chọn cuộc sống của một người tu tập tâm linh. Khi ba mươi tuổi thì Ngài đạt được giác ngộ và sau đó thì bắt đầu thuyết giảng. Ngài đã mang lại một niềm khích lệ lớn lao và sáng lập ra tập thể những người xuất gia. Ngài tịch diệt

bên cạnh các đệ tử của mình khi được tám-mười tuổi.

Những kinh nghiệm cảm nhận chủ yếu nào đã khiến cho Đức Phật trở thành một người sáng lập tôn giáo?

Những vấn đề khúc mắc khiến cho Đức Phật hằng ray rút đều mang tính cách vô cùng sâu xa và khác thường. Có phải là Ngài đã hỏi tại sao chúng ta lại cứ dấn thân vào một cuộc sống luôn phải phấn đấu chỉ để mang lại sự hung bạo và để kéo dài bất tận sự hung bạo đó. Tại sao chúng ta lại phải gạt bỏ cái nhân tính tiềm tàng trong chính mình để chọn cho mình một cuộc sống đầy dẫy hận thù? Tại sao chẳng mấy khi chúng ta có dịp để chứng tỏ rằng mình là một con người? Tại sao chúng ta lại không thể thực hiện được những gì mình hằng

mong ước mà lại cứ đắm mình vào những thứ không nên làm?

Đây là những gì mà Đức Phật đã ưu tư. Con người luôn bị lọt ra bên lề cuộc sống. Họ tranh đấu nhằm mang lại cho mình thành công và hạnh phúc, thế nhưng càng vùng vẫy bao nhiêu thì những mục tiêu ấy lại càng trở nên xa vời bấy nhiêu.

Tuy sống trong huy hoàng thế nhưng Đức Phật cũng biết là có nhiều người khác đã từng chối bỏ sự hào nhoáng ấy để quay lưng đi và quên nó (*các người tu khổ hạnh vào thời bấy giờ*). Ngài tự hỏi tại sao lại có thể như thế được.

Trái với những gì người ta thường hiểu một cách sai lạc, thật sự là ta không thể tìm thấy được lời giáo huấn nào mang nhiều tính

cách tự tin và lạc quan hơn những lời giảng dạy của Đức Phật.

Đức Phật luôn căn cứ vào hiện thực và nhận thấy chỉ có một con đường duy nhất có thể mở ra một lối thoát cho con người. Đây là cách không nên cố gắng tìm mọi cách để lẩn trốn khổ đau, bất toại nguyện và lo buồn mà phải nỗ lực quan tâm tìm hiểu chúng. Thật vậy có rất nhiều phương tiện giúp chúng ta nhìn vào cách mà chúng ta đang sống.

Cái lâu đài đầy tiện nghi mà vua cha đã dựng lên để cố kềm giữ Ngài thật ra chỉ là một nhà tù với các bức tường được dựng lên bằng sự sợ hãi. Tương tự như vậy, chúng ta cũng đang bị giam giữ trong cái ngục tù của sự kinh hoàng trước bệnh tật, già nua và chết chóc, và đây chính là những gì khiếp đảm nhất của hiện thực.

Suốt gần năm-mươi năm từ khi đạt được giác ngộ cho đến lúc tịch diệt, Đức Phật không một lúc nào lại không nhắc nhở cho chúng ta biết là chúng ta đang tự lừa dối mình. Chúng ta không nên trốn lánh sự sợ hãi và khổ đau mà phải lắng nghe chúng hầu tìm hiểu chúng, và đây là cách duy nhất để giúp chúng ta có thể loại bỏ được chúng.

Hãy nhìn thẳng vào sự hiện hữu của chính mình để phân đấu. Chưa hẳn là mình sẽ thắng, thế nhưng cũng chưa phải là mình sẽ thua. Đã là con người thì chúng ta lúc nào cũng có đủ khả năng giúp mình tự giải thoát khỏi mọi thứ gông cùm xiềng xích - chẳng hạn như việc thay đổi thể dạng tâm thần của mình.

Phương pháp luyện tập thiền định sẽ giúp chúng ta thực hiện được điều ấy.

Đấy cũng chính là con đường mà Đức Phật đã mở ra cho chúng ta.

Đức Phật là một vị trời hay một con người?

Đức Phật không giống như các vị sáng lập ra các tôn giáo khác bằng cách chỉ dựa vào Kinh Sách - chẳng hạn như Abraham, Moïse, Chúa Ki-tô hay Mahammed. Đức Phật không phải là một nhà tiên tri (*prophète / prophet, tiếng Hy Lạp là prophētês, có nghĩa là một vị tự cho mình mang tính cách linh thiêng, tiên đoán được những biến cố sẽ xảy và dựa vào đó để mà thuyết giảng bằng lời hay bằng chữ viết. Các biến cố mà các vị ấy tiên đoán thường là các tai ương sẽ xảy ra trong tương lai - tức có nghĩa là một sự hăm dọa*). Đức Phật trái lại chỉ là một con người bình dị đã nêu lên những kinh nghiệm cảm nhận mà mỗi con người đều có thể thực hiện được. Ngài không hề nắm giữ

bất cứ gì mang tính cách thần khai. Không có ai trao truyền cho Ngài một thông điệp mang tính cách linh thiêng, siêu nhiên hay thuộc vào một thế giới khác hơn là cái thế giới này.

Thiên Chúa Giáo đòi hỏi các tín đồ phải tin vào Chúa Ki-tô tức là vị Con Trời đã chết trên cây thánh giá và sau đó thì sống lại. Trọng tâm của tôn giáo ấy dựa vào một đức tin vượt lên trên mọi khả năng lý luận.

Trái lại đối với sự thật nêu lên trong giáo huấn của Đức Phật thì đơn giản là chỉ dựa vào một thể dạng tự do và sinh động của thực tại - dù cho thể dạng ấy mang tính cách tiềm ẩn, tức là còn bị che khuất và u mê. Con đường chỉ là một cách đơn giản giúp chúng ta nhận thấy đích thật cái thể dạng ấy và giúp nó hiển lộ ra trong lòng mình. Đức Phật không hề quan tâm đến Đấng Tối Cao hay các vị trời khác. Dầu sao đi nữa theo Đức Phật thì các vị ấy không

thể giúp mình tự giải thoát cho mình được. Con đường duy nhất là phải ngồi xuống để nhìn vào những kinh nghiệm cảm nhận của chính mình trong từng giây phút một, với tất cả sự chân thật và ngay thẳng. Quả thật là chẳng ai có thể làm được việc ấy thay cho mình cả.

Vào thời khắc trọng đại nhất khi Đức Phật sắp đạt được sự Giải Thoát, nghĩa là lúc Ngài sắp bước sang phía bên kia (*để đạt được sự Giác Ngộ*) thì cũng chính là lúc mà Ngài bị ma quỷ tấn công mãnh liệt nhất. Chúng tìm đủ mọi cách làm cho Ngài phải bị hủ hóa, chúng quyến rũ để đánh lạc hướng Ngài, thế nhưng đồng thời đấy cũng chính là lúc mà Ngài đã biểu lộ một hành động thật phi thường, một hành động độc nhất trong lịch sử nhân loại, mang một chiều sâu vô hạn: Ngài đã dùng bàn tay của mình để chạm vào mặt đất và mượn mặt đất làm nhân chứng cho Ngài.

Thay vì trở tay lên trời để bảo cho mọi người biết rằng sứ mạng của mình là do Trời giao phó thì Đức Phật lại hướng tay mình xuống mặt đất của thế gian này. Rất nhiều ảnh tượng biểu trưng cho cái dấu ấn thật tinh tế ấy của Đức Phật khi Ngài dùng bàn tay mình để chạm vào mặt đất. Thật vậy không thể có một biểu tượng nào mang nhiều ý nghĩa hơn thế để chứng minh cho thấy rằng trước hết Ngài chỉ là một con người bình dị, bình dị như mỗi con người trong tất cả chúng ta. Một con người bước đi trên mặt đất này và chỉ quan tâm đến những gì thật đơn sơ của hiện thực mà không hề chờ đợi những ước mơ và hy vọng xa vời.



Đức Phật chạm tay xuống mặt đất để

**chứng minh cho sự chiến thắng của mình
trước bọn ma vương**
(điêu khắc nổi thuộc triều đại Pala-sena, Ấn
Độ, thế kỷ thứ X,
đá Basalt màu đen, bảo tàng viện Guimet-
Paris)

Thế nhưng lại chính là nhờ vào sự khám phá ra cái thể dạng vượt thoát khỏi mọi bám víu và hận thù luôn lôi kéo tất cả chúng ta phạm vào lầm lẫn, mà Đức Phật đã trở thành một sinh linh thiêng liêng. Cuộc đời và những lời giáo huấn của Ngài là những gì vô cùng kỳ diệu tượng trưng cho một bầu không gian mở rộng, vượt lên tất cả các quan niệm của đời thường. Đối với nhiều học phái thì Đức Phật không phải là một con người được sinh ra, sống và chết đi, mà thực sự chính là một thể dạng sinh linh luôn hiện hữu trong thực tại và đồng thời cũng là sự thật của chính cái thực tại ấy.

Khi nhìn một pho tượng Phật chúng ta cũng có thể nhận thấy được sự biến đổi của một con người, đây là một tấm gương nêu lên lòng quả cảm và quyết tâm đã khiến cho một con tim ngập tràn bởi sự an bình và niềm yêu thương, là một bầu không gian mở rộng của tình thương yêu tinh khiết và của cả thực tại nữa - và đây cũng là những gì hiện hữu trong từng giây phút một.

Như vậy nếu hiểu được ý nghĩa đó thì chúng ta cũng nên tránh các thói quen suy nghĩ nhị nguyên của mình từ trước để nhìn vào Đức Phật như là một con người hoàn hảo và hoàn toàn thiêng liêng.

Các ảnh tượng biểu thị Đức Phật có trung thực với hình ảnh của chính Ngài hay không?

Người nghệ sĩ không phải là một phóng viên báo chí mà họ chỉ là người diễn đạt. Họ chỉ tìm cách thể hiện các phẩm tính nơi sự hiện hữu của Đức Phật mà không chú ý đến các đặc tính trên thân thể Ngài. Nhằm đạt mục đích đó các nghệ nhân trước hết đã dựa vào một số biểu tượng dễ nhận biết nhất để biểu thị cho Đức Phật: thí dụ như một chiếc ngai, vết chân của Ngài, chiếc bánh xe tượng trưng cho giáo huấn của Ngài, một đóa hoa sen...

Về sau này, chính xác hơn là vào thế kỷ thứ I, thì mới thấy nảy sinh ra ý kiến biểu thị Đức Phật qua nhân dạng con người. Điều này sở dĩ xảy ra có lẽ là do người Hy Lạp đã nhìn vào Đức Phật xuyên qua hình ảnh vị thần Apollo của họ (*có thể xem thêm bài viết "Nghệ thuật biểu thị nhân dạng Đức Phật" trên trang nhà Thư Viện Hoa Sen, Quảng Đức,...*).

Ngày nay chúng ta có thể biết thêm rằng Đức Phật vào thời bấy giờ rất có thể là một người gầy còm và da dẻ màu sậm đen chứ không như một số ảnh tượng mà chúng ta vẫn thường thấy ngày nay. Nhờ vào việc nghiên cứu Kinh sách Chính Thống bằng tiếng Pa-li và nhất là dựa vào các công trình khảo cứu của các sử gia hiện đại thì người ta mới hiểu rằng Đức Phật không phải là một vị hoàng thân tằm cỡ lớn, cũng không sống trong một lâu đài nguy nga, mà đúng hơn thì Ngài chỉ là con của một vị vương công khiêm tốn trong vùng. Thế nhưng điều ấy nào có gì là quan trọng.

Hình tượng chỉ giữ vai trò gợi lại những lời giáo huấn mà Ngài đã để lại cho chúng ta, nhưng tuyệt nhiên không phản ánh một sự thật nào về xác thân con người của Ngài. Hơn nữa tại mỗi vùng địa lý, người ta lại hiểu giáo huấn của Ngài một cách khác đi đôi chút, con người ở những nơi ấy đã thích ứng Phật Giáo với lịch

sử của họ và cả những gì mà họ ước mơ, để rồi hình dung ra hình ảnh của Ngài một cách khác đi (*xin chú ý đây cũng là ý nghĩ mà tác giả sẽ khai triển khi trình bày về nguồn gốc của Đức Phật Di Lặc trong phần kết*). Thế nhưng phải hiểu rằng tất cả những hình ảnh ấy đều nói lên một sự thật duy nhất, dù không mang tính cách lịch sử đi nữa thì sự thật tâm linh ấy cũng hàm chứa một giá trị thật cao

Dù có cố gắng tìm lại hình ảnh Đức Phật lịch sử với bất cứ giá nào thì đây cũng chỉ là một cách bám víu phát sinh từ bản chất vô minh của mình, và cũng cho thấy là mình chẳng hiểu gì cả về những lời giáo huấn của Ngài. Bản thân của Đức Phật chẳng có gì hệ trọng cả. Đây chỉ là một biểu tượng sống thực của sự Giác Ngộ. Điều mà chúng ta cần tìm kiếm chính là sự giác ngộ chứ không phải là các chi tiết liên quan đến tiểu sử của Ngài hay là dáng vóc của Ngài.

Hãy nhìn lên hình tượng của Đức Phật. Cái hình tượng đó gợi lên trong trí ta điều gì?

Một thể dạng an bình và một lòng nhân ái mở rộng hướng thẳng vào con tim của mình. Đây mới thật là những gì chính yếu.

Chúng ta học được những gì từ các ảnh tượng của Đức Phật?

Trước hết các ảnh tượng ấy cho biết Ngài là ai. Vào thời đại của chúng ta ngày nay, vai trò ảnh tượng không còn giữ được tính cách thiêng liêng như trước nữa. Đối với chúng ta, khá lắm thì đây cũng chỉ là những tác phẩm gợi lên một sự say mê nào đó dưới khía cạnh thẩm mỹ. Thế nhưng đối với người Phật tử thì ảnh tượng của Đức Phật là những gì giúp họ tiếp cận trực tiếp với sự hiện diện của Ngài

trong thực tại. Các ảnh tượng ấy không phải là các tác phẩm của một nghệ sĩ nhằm mô tả những cảm hứng của mình. Người sáng tạo ra các ảnh tượng ấy luôn tìm cách xóa bỏ chính mình để nhường chỗ cho những gì họ muốn diễn tả có thể bộc lộ ra với sự rạn vỡ nguyên sinh của nó. Nếu nhìn theo chiều hướng ấy thì bất cứ một tác phẩm Phật Giáo nào cũng đều mang tính cách thiêng liêng, đều nhằm phản ánh cái đẹp tinh khiết nhất của nó. Cái đẹp đó không có mục đích mang đến cho chúng ta một cảm xúc thích thú nào cả mà đúng hơn là giúp mở rộng con tim của chúng ta một cách thật kiên cường và quảng đại.

Quả thật hết sức khó để có thể đọc những gì được ghi trong các trang kinh sách viết bằng tiếng Phạn hay tiếng Pa-li hầu như hầu như được các lời giảng dạy của Đức Phật. Hàng rào ngăn cách về ngôn ngữ là một trở ngại lớn. Việc dịch thuật không mấy khi mang lại các kết quả

mong muốn và hơn nữa cuộc sống tân tiến ngày nay đã khiến cho một số các lời giảng huấn mà người ta cho là của Đức Phật có thể trở nên khó hiểu. Thế nhưng đơn giản hơn cả là chỉ cần nhìn vào ảnh tượng của Đức Phật thì chúng ta cũng có thể cảm nhận được sự hiện diện của Ngài. Con đường này thật vô cùng giản dị.

Đôi khi ảnh tượng cũng đủ để giúp chúng ta nhận thấy quyết tâm phi thường của Ngài trong khi thiền định: toàn thân Ngài rắn lại vì cố gắng. Còn có một tấm gương nào quý giá hơn để chúng ta nhìn vào hay không?

Đôi khi ảnh tượng cũng cho thấy Ngài dường như vượt thoát khỏi mọi thứ căng thẳng và hiện ra như một thực tại thật tinh khiết và tự nhiên không cần phải biểu lộ, bởi vì cái thực tại tinh khiết ấy đã vượt lên trên tất cả mọi tiêu chuẩn nhỏ hẹp.

Tại sao các ảnh tượng của Đức Phật lại thường giống nhau?

Bởi vì việc biểu thị Đức Phật chỉ có tính cách tượng trưng nhằm nói lên các phẩm tính của sự Giác Ngộ nơi Ngài. Ảnh tượng thường cho thấy trên đỉnh đầu của Ngài có một cái bướu (*tượng trưng cho trí tuệ*) và giữa hai lông mày thì có một túm lông nhỏ (*tượng trưng cho sự quán thấy sâu xa*). Hai trái tai thì thông xuống, đây là vì phải đeo các bông tai thật nặng khi Ngài còn là một vị hoàng thân. Tóc cắt ngắn tượng trưng cho cuộc sống xa lìa thế tục, bởi vì vào thời bấy giờ tóc để dài là cách biểu trưng cho quyền lực và uy thế. Động tác của hai tay thì luôn mang một ý nghĩa nào đó, chẳng hạn như để nói lên rằng: "*Đừng lo sợ*", "*Hãy cố lắng nghe những lời giảng huấn*"

hoặc "*Mặt đất này là nhân chứng duy nhất của Ta*".

Khi nói rằng Đức Phật là bản thể đích thật của ta thì đây có ý nghĩa gì?

Đức Phật khuyên chúng ta nên thức tỉnh hầu giúp chúng ta có thể quán nhận được những gì cao quý trong sự hiện hữu của chính mình, bởi vì nếu thiếu sự tỉnh thức thì chúng ta nào có thể khám phá ra được thể dạng cao quý của chính mình. Nếu nhìn vào khía cạnh đó thì quả thật là không có gì sai lầm hơn khi biến Đức Phật thành một thần tượng điện ảnh Hollywood để nhìn vào đấy mà bắt chước theo. Điều đó không thể chấp nhận được. Đức Phật không thuộc vào bất cứ một nơi nào cả bởi vì Ngài đang trú ngụ trong tâm thức của chính ta. Không nên tôn thờ Ngài từ bên ngoài

mà phải nhận thấy được Ngài đang hiện hữu trong lòng mình.

Biết suy tư để nhận ra được điều ấy không phải là chuyện dễ chỉ vì chúng ta vẫn có thói quen luôn đi tìm những gì mong muốn ở những nơi không thể nào có được những thứ ấy, tức là những nơi mà chúng ta luôn phạm vào mọi sự sai lầm. Thế giới Tây Phương thường xem con người là kẻ phạm tội, luôn bị chi phối bởi tội lỗi. Đó đó phải tuân thủ một số quy luật và nghi lễ nào đó để chủ động lấy mình, để mình không lặn xuống vực sâu.

Đối với hầu hết các tín ngưỡng thì vấn đề mấu chốt là: làm thế nào để không chế được mình, không để cho con thú ẩn nấp bên trong mình đè bẹp được mình ?

Phật Giáo không chia sẻ quan điểm ấy. Phật giáo chỉ nhìn vào những nơi nào có thể

phát huy được lòng tốt mà thôi. Phật Giáo không ngã theo và cũng không chống lại Rousseau (*1712-1778, là nhà văn, triết gia và soạn nhạc gia người Pháp, chủ trương một khái niệm mang tính cách vừa triết học vừa chính trị liên quan đến bản chất tự nhiên của con người trước khi xã hội được hình thành, và cái bản chất đó là những gì mang lại hạnh phúc cho con người - ghi chú thêm của người dịch*). Thế nhưng ông ta lại không hề khẳng định là con người chỉ có thể hoàn hảo dưới thể dạng rừng rú (*tức thuộc vào thời bán khai khi chưa bị xã hội hủ hóa*). Ông ta xem đây là một thứ gì mang bản chất tốt (*đại khái như khái niệm "nhân chi sơ tính bản thiện" của Khổng Tử*) hướng vào các kinh nghiệm của sự cảm nhận, và ông dựa vào đây mà phân tích một cách thật khắt khe để tìm hiểu tại sao chúng ta lại chối bỏ và làm cho ô uế cái bản chất tốt ấy đi.

Kinh Hoa Sen có thuật lại một câu chuyện về một người nghèo khó tìm gặp một người bạn thuở thiếu thời. Người bạn này thì lại thật giàu có và khi trông thấy cảnh khốn cùng của bạn mình bèn kín đáo nhét vào áo của người này một viên ngọc thật quý mà không nói gì cả, chẳng qua cũng vì không muốn cho bạn mình biết để khỏi ái ngại. Nhiều năm sau thì bất ngờ người này lại gặp lại bạn cũ và thấy bạn mình vẫn cứ nghèo đói như xưa. Quá đỗi ngạc nhiên, người này liền sờ vào vạt áo của bạn mình và nhận ra là viên ngọc vẫn còn đây. Qua không biết bao nhiêu năm tháng dài mà người ấy vẫn không tìm được viên ngọc quý trong áo mình. Quả là chúng ta cũng chẳng khác gì với người ăn xin ấy vì mang trong người một viên bảo châu mà nào có hề hay biết.

Con đường của Đức Phật cũng không có mục đích nào khác hơn là giúp chúng ta tìm thấy cái kho tàng quý giá đó của chính mình.

Cái kho tàng ấy không phải là một món quà tặng của Đấng Tối Cao mà thật ra là sở hữu riêng của tất cả mỗi con người. Vậy làm thế nào để biết được cái gia tài đó?

Hãy lấy một thí dụ.

Khi ta đang tản bộ giữa một khung cảnh thiên nhiên và bỗng cảm thấy vô cùng xúc động, đến độ chỉ muốn hòa mình vào cảnh thiên nhiên đang tỏa rộng ấy để nhập thành một thực thể với nó, và sẽ không còn một ngăn cách nào giữa ta và thế giới chung quanh. Cái kinh nghiệm cảm nhận ấy cũng có thể xảy ra khi gặp được một con người nào đó, và từ cuộc gặp gỡ ấy bộc phát ra một thứ cảm tính tự nhiên của tình thương yêu. Đây là giây phút

tượng trưng cho một sự mở rộng, và con người ấy biết đâu cũng có thể là Đức Phật. Con đường sẽ tập cho chúng ta biết trú ngụ trong chính nét mặt của Ngài.

Khi nào kinh nghiệm cảm nhận về một sự mở rộng như trên đây giúp cho ta hòa nhập với nó thì nó sẽ đánh thức trong ta một sự hiểu biết thật căn bản để luôn ước vọng được đặt niềm tin của mình vào nó. Phật giáo không phải là một sự mong cầu tìm được một cái gì mà mình không có, mà đúng hơn chỉ là con đường giúp mình trở về với chính mình.

Đức Phật có phải là người lập ra một tôn giáo, một học phái triết lý hay một ngành tâm lý học hay không?

Phật giáo cũng có việc cúng kiến, cũng có chùa chiền, tất cả các thứ này có thể là nguyên

nhân khiến người ta có cảm tưởng là Phật Giáo cũng không khác gì với các tôn giáo theo kiểu Do Thái Giáo, Thiên Chúa Giáo hay Hồi Giáo. Thế nhưng thật ra thì lại khác hẳn. Lý do chính yếu nhất là Phật Giáo không tin vào một vị Trời sáng tạo, và điều đó cũng cho thấy Phật Giáo là một tôn giáo duy nhất không tin tưởng có Thượng Đế (*non-theism*).

Phép thiên định mà Phật Giáo đưa ra không nhằm vào mục đích hòa nhập với một thể dạng linh thiêng, hoặc một sự tuyệt đối, hoặc bất cứ một thể dạng đơn thuần tri thức nào cả, mà đúng hơn là để phát huy một sự chú tâm chính xác và bền vững hướng vào tất cả những gì đang hiện hữu.

Phật Giáo cũng không phải là một tín ngưỡng dựa vào giáo điều. Người tu tập theo Phật Giáo không cần phải phát lộ đức tin của mình đối với bất cứ một thứ gì để dựa vào đó

mà trở thành một người Phật tử. Trái lại là đẳng khác, các vị thầy Phật Giáo thường nhắc nhở người tu tập phải luôn cảnh giác và thức mắc để tự tìm hiểu thêm. Đức Phật đã từng nói rằng: *"Không được tin bất cứ gì Ta nói là đúng, chỉ vì đây là do Ta nói. Trái lại phải mang ra thử nghiệm những lời giáo huấn của Ta giống như một người thợ kim hoàn thử vàng. Nếu sau khi quán xét các lời dạy của Ta mà nghiệm thấy là đúng, thì lúc ấy mới nên mang ra thực hành. Dầu sao thì nhất định cũng không phải là vì kính trọng ta mà mang ra thực hành"*.

Có một điều cần phải khẳng định một cách dứt khoát là Đức Phật không thể nào cứu độ chúng ta được. Thật vậy Đức Phật không thể làm gì được cho chúng ta cả. Ngài chỉ có thể trở cho chúng ta thấy một con đường, và mỗi người trong chúng ta phải tự mình bước theo con đường đó.

Mỗi người phải nhận lãnh trách nhiệm về sự hiện hữu của chính mình.

Phật Giáo cũng không phải là một triết học, bởi vì Phật Giáo luôn tránh không trả lời các loại câu hỏi đơn thuần chỉ mang tính cách tự biện hay siêu hình.

Kinh sách kể chuyện về một người cứ khăng khăng nhất quyết đòi hỏi Đức Phật phải giải đáp cho bằng được, thế rồi Ngài đành phải thuật lại cho người ấy nghe một câu chuyện như sau: *"Nếu có ai bắn một mũi tên làm cho mình bị thương và mình biết rõ đây là một mũi tên có tẩm một thứ thuốc độc thật mạnh. Vậy có nên tìm hiểu xem người bắn mũi tên mang tên gì, giai cấp xã hội của hắn là gì, hắn từ làng nào đến đây, cái cung và mũi tên của hắn làm bằng vật liệu gì? Tất nhiên là không nên thắc mắc về những điều ấy. Trái lại thì phải*

phản ứng nhanh chùng nào tốt chùng ấy để rút mũi tên ra khỏi vết thương và tìm ngay thuốc hóa giải chất độc để mà băng bó". Chính vì lý do đó mà Đức Phật thường được xem như một vị lương y hơn là một hiền giả hay một triết gia.

Ngay cả các tư tưởng của Long Thụ thường được xem là các tư tưởng thuộc loại tinh tế nhất trong Phật Giáo cũng không thuộc vào lãnh vực triết học. Lý do thật hết sức đơn giản là vì triết học chỉ là một cách thức mắc của người Hy Lạp mà thôi (*cũng xin mạn phép nhắc thêm là tác giả tốt nghiệp tiến sĩ triết học tại đại học Sorbonne Paris*).

Nếu không chú ý đến khía cạnh trên đây thì sẽ khó tránh khỏi những điều nghịch lý hết sức trầm trọng. Trong lãnh vực triết học người ta thường tìm cách chuyển những gì không biết trở thành biết (*hiểu biết bằng sự lý luận và*

tự biện triết học) và đây cũng là cách phủ nhận những gì mang tính cách cá biệt của Phật Giáo (*tức phủ nhận Phật Giáo vượt lên trên triết học*). Phật Giáo không giống với bất cứ một cơ cấu triết học nào của Tây Phương - dù đây là chủ nghĩa hoài nghi, chủ nghĩa yếm thế, chủ nghĩa hưởng lạc.... Cũng không thể nào đưa Phật Giáo đến gần với các tư tưởng của Descartes, Spinoza, Kant hay Nietzsche (*ba triết gia đầu tiên chủ trương có Trời, vị thứ tư thì cho là “Trời đã chết”*). Phạm vi và cách nhìn của Phật giáo ở vào một nơi khác. Do đó thật hết sức quan trọng phải luôn bảo vệ sự độc đáo của Phật Giáo.

Phật Giáo cũng có những bài hát, những lời xiển dương, nghi thức cúng bái, lễ lạc - và nhất là thiên định. Do đó Phật Giáo không phải là một hình thức suy tư tự biện về hiện thực mà đúng hơn là một con đường đích thật liên

quan đến từng hành động, ngôn từ và tư duy của chúng ta.

Phật Giáo mang đến cho tất cả mọi con người thuộc mọi giới tính một con đường giúp cho họ sống một cách toàn vẹn sự hiện hữu của chính họ. Con đường ấy không dẫn dắt chúng ta bước vào một xứ sở nào khác mà chỉ đơn giản là đưa chúng ta đến gần hơn với chính con người của mình, nơi đó đang vang lừng tiếng hát của cả một không gian rộng lớn.

Phật Giáo là một "con đường không chủ đích" hay là một "lối đi không lối đi" - đây là cách nói nhằm nhấn mạnh sự kiện là *hành động bước theo con đường* sẽ quan trọng hơn nhiều so với *kết quả mong cầu sẽ đạt được* do con đường đó mang lại.

Phật Giáo có phải là vô thần hay không?

Phật Giáo không tôn thờ một vị Trời Sáng Tạo, thế nhưng đây không có nghĩa Phật Giáo là vô thần. Thật thế Phật Giáo luôn cảnh giác chúng ta trước mọi hành vi mang tính cách tín ngưỡng và khuyên chúng ta phải luôn quán xét và thận trọng đối với khá nhiều điểm tương đồng trong cuộc phấn đấu của chủ nghĩa vô thần nhằm giải thoát cho mình ra khỏi các gông cùm tạo ra từ các thứ giáo điều.

Tuy nhiên mặt khác thì Phật Giáo cũng lại rất gần với các tôn giáo của chúng ta (*tức của người Tây Phương*), chẳng hạn như khi một vị tu sĩ Phật giáo gặp một vị tu sĩ Thiên Chúa Giáo thì cả hai đều cảm thấy là mình cùng chia sẻ một thứ gì thật chủ yếu.

Dầu sao thì Phật Giáo cũng mang tính cách vô-thần thật sâu xa. Phật Giáo chủ trương một sự phân tích không nhân nhượng nhằm vạch ra

cho thấy cái bầy đang được giăng ra trong các tín ngưỡng hữu thần: đây là cách mà ta phải khẳng định là có một vị trời khác với mình, và tiếp theo đó thì vị trời lại dựa vào sự hiện hữu của ông ấy để mà xác nhận là có sự hiện hữu của ta và còn thiết đặt cả cho ta các kinh nghiệm cảm nhận của chính ta (*có nghĩa là vị ấy có thể ban cho ta hạnh phúc hoặc trừng phạt ta*).

Mỗi khi con người nói đến một vị trời nào đó thì đây cũng chỉ là cách khoác thêm cho vị ấy hình ảnh của chính mình, sau khi đã phóng đại nó và ghép thêm cho nó các phẩm tính thật hoàn hảo. Trời chỉ là một hình ảnh khuếch đại thật khổng lồ của chính chúng ta.

Khi nào vị trí của Vị ấy và của mình được phân định hai bên rõ rệt thì tất nhiên cũng sẽ xảy ra việc cầu khẩn Vị ấy, trông chờ vào sự nâng đỡ cũng như sự giải cứu của Vị ấy. Dầu

sao thì đôi khi chúng ta cũng có thể cảm nhận được một mối tương liên nào đó (*giữa Trời và chúng ta*) được thắt chặt, thế nhưng nhiều lúc thì chúng ta cũng có cảm giác là mối dây đó bị đứt (*thiếu đức tin*). Quả thật hết sức khó để có thể tạo ra một mối liên hệ với Trời khi ta vẫn còn hình dung ra được hình ảnh của Vị ấy (*khi vẫn còn hình dung ra hình ảnh của Vị ấy khác với mình thì làm thế nào mà mình có thể hội nhập với Vị ấy được*).

Thật vậy có một số nhà thần bí chủ trương là Trời không ở bên ngoài con người. Trong số này có thể kể ra vị Thầy Eckhart hay thánh nữ Thérèse de Lisieux, đây là những người mà Phật Giáo cảm thấy khá gần gũi.

Tại sao Phật Giáo vô thần mà lại có một số thánh thần địa phương đông đảo đến thế?

Nếu căn cứ vào các khái niệm của Tây Phương từng chịu ảnh hưởng nặng nề bởi Thiên Chúa Giáo và các cuộc chiến hung hãn và dai dẳng của tôn giáo này chủ xướng để chống lại "dị giáo" (*tôn giáo đa thần của người La Mã trước khi Thiên Chúa Giáo thâm nhập vào Âu Châu*) thì sẽ không thể nào hiểu được sự nghịch lý trong câu hỏi trên đây. Đối với Thiên Chúa Giáo thì việc thờ cúng thần thánh địa phương và thế tục là một thứ nọc độc, một thứ dị đoan cần phải nhổ bỏ tận gốc khỏi đầu óc của quảng đại dân gian.

Phật Giáo không bao giờ chủ trương cách ứng xử ấy mà luôn tin vào sự hiện hữu của thật nhiều các vị thần thánh. Phật Giáo chỉ tìm cách chuyển họ trở thành những sinh linh phục vụ cho Đạo Pháp. Các vị thần núi hay các vị thần ao hồ đều có thể có thật, với điều kiện là phải tôn kính họ và không được tách họ ra khỏi nơi trú ngụ của họ. Ta chỉ cần xin phép họ được

lưu trú trong lãnh địa của họ và nhờ họ giúp đỡ, thế nhưng tuyệt nhiên đây không phải là cách giúp mình có thể dập tắt được ngọn lửa của khổ đau (*chỉ có Phật Giáo đích thật mới giúp chúng ta thực hiện được việc ấy*).

Đây cũng là một cách biểu lộ sự bao dung của Phật Giáo đối với các tín ngưỡng khác. Tại Trung Quốc Phật Giáo cùng phát triển chung với Khổng Giáo, Lão Giáo và các tín ngưỡng dân gian khác. Tại Nhật Bản thì Phật Giáo và Thần Đạo cùng tồn tại bên nhau và cùng hướng vào việc tôn thờ thiên nhiên và các vị thần linh trú ngụ trong các bối cảnh thiên nhiên ấy.

Ngoài ra Phật Giáo còn ghép thêm vào số các vị thần linh của thiên nhiên vô số các vị Phật khác với mục đích biểu trưng cho muôn ngàn thể dạng phát hiện của sự giác ngộ. Chữ Phật không nhất thiết là một danh từ riêng mà

đúng hơn là một "tước vị" mang ý nghĩa một "Vị Giác Ngộ". Ngay cả vào các thời kỳ nguyên thủy, tín ngưỡng Phật Giáo cũng đã bắt đầu chủ trương sự hiện hữu của nhiều Vị Phật khác từng sống trên địa cầu này vào những thời đại thật xa xưa, hoặc sẽ xuất hiện ra sau này.

Tại sao lại có nhiều Phật đến thế?

Nếu muốn giải đáp thắc mắc này thì trước hết phải tự hỏi: "Vậy Đức Phật là ai?".

Đấy có phải là một con người đã từng sống trong một thời đại lịch sử nhất định hay chỉ là những thể dạng hiện hữu dưới muôn ngàn gương mặt khác nhau?

Tương tự như đại dương mang các tính chất khác nhau như ướt, mênh mông và mặn,

tâm thức của Đức Phật cũng thế và cũng có thể phát lộ dưới nhiều hình thức khác nhau, như lòng từ bi, trí tuệ và nhiều thể dạng sinh hoạt khác nhau...

Theo quan điểm của Phật Giáo, nếu xem chư Phật hàm chứa một sự hiện hữu riêng biệt mang tính cách cá thể thì nhất định đây là một điều sai lầm và sự sai lầm đó cũng chẳng khác gì với sự sai lầm khi cho rằng chư Phật không hề hiện hữu. Tôi ý thức được rất rõ là cách nói đó khá khó hiểu. Thế nhưng cũng phải cố gắng để hiểu mà thôi. Phải cần có nhiều vị Phật khác nhau để giúp chúng ta mở rộng con tim và tâm thức của mình hầu có thể thích nghi với các cách suy nghĩ khác nhau. Nếu xem các vị ấy là thật thì sẽ có thể đưa đến tình trạng không nhận biết được thể dạng rộng mở mà họ có thể mang đến cho chúng ta, và chúng ta thì cũng sẽ rơi vào một hình thức đơn thuần của việc tôn thờ ảnh tượng. Trái lại, nếu xem các

vị Phật ấy không thật và đơn giản chỉ là những gì mang tính cách huyền hoặc, một thứ ảnh tượng hay là các biểu trưng thần tượng, thì chính đây cũng sẽ là cách mà chúng ta đánh mất đi sự giúp đỡ quý báu của họ.

Có một vị Phật mang một cái bụng thật to thường thấy trong các nhà hàng ăn của người Tàu, vị ấy mang ý nghĩa như thế nào?

Ở Trung Quốc người ta thường thấy một vị Phật đầu hói, béo phì, vui cười một cách hả hê, vị này khoác áo cà-sa và có một cái bụng thật to. Cách biểu thị đó đối với một vị Phật quả thật cũng đáng để chúng ta phải ngạc nhiên vì rõ ràng là lọt ra ngoài các cách biểu thị thông thường.

Nguồn gốc của nhân vật này là một vị thánh biểu trưng cho sự giàu sang. Cái bụng to tướng và cái vẻ hả hê của ông cũng như cả một

đám trẻ con bu chung quanh ông là nhằm vào mục đích nêu lên sự giàu có của chính ông và đồng thời thì ông cũng sẽ sẵn sàng ban sự giàu có của mình cho những ai cầu xin mình. Vị này luôn mang bên người một cái túi vải đầy ắp các thứ quý giá, nào là lúa gạo, nào là kẹo bánh cho trẻ con. Tóm lại vị ấy là biểu tượng của hạnh phúc, sự may mắn và sung mãn.

Phật Giáo không hề loại bỏ các thói tục thờ phụng địa phương dù là ở bất cứ nơi nào tại Á Châu, mà chỉ tìm cách biến đổi phần nào ý nghĩa của sự thờ phụng đó. Phật Giáo biến vị thần linh có nguồn gốc xa xưa trên đây (*thần tài*) trở thành một vị biết tu tập Phật Giáo, hoặc xem đây như chính là một thể dạng hóa thân của vị Phật lịch sử. Vì thế vị trên đây được xem là Phật Di Lặc, một vị Phật của tương lai (*mang lại giàu có và hạnh phúc*).

Bures-Sur-Yvette, 05.02.12

Hoang Phong chuyển ngữ

<http://www.quangduc.com/DucPhat/index.html>

<http://www.quangduc.com/ipad/index.html>

<http://www.quangduc.com/tacgia/hoangphong.html>